

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC THEO HỌC CHẾ TÍN CHỈ

(Kèm theo Quyết định số 2355/QĐ-ĐHNT-QLKH ngày 30 tháng 12 năm 2014)

Tên chương trình: Cử nhân Quản trị Kinh doanh

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: Quản trị kinh doanh (Business Administration)

Mã số:

Chuyên ngành: Quản trị Kinh doanh quốc tế (*International Business Management*)

Kế toán – Kiểm toán (*Accounting – Auditing*)

Quản trị Du lịch - Khách sạn (*Tourism and Hospitality Management*)

Thương mại điện tử (*E-commerce*)

Loại hình đào tạo: Chính quy tập trung

1. Mục tiêu đào tạo

- **Mục tiêu chung:** Đào tạo cử nhân ngành Quản trị Kinh doanh các chuyên ngành Quản trị Kinh doanh quốc tế, Kế toán – Kiểm toán, Quản trị Du lịch Khách sạn, Thương mại điện tử có kiến thức tổng hợp về quản trị kinh doanh và hiểu biết chuyên sâu về từng chuyên ngành cụ thể, có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp và sức khỏe tốt; sử dụng thông thạo một trong các ngoại ngữ tiếng Anh, tiếng Pháp, tiếng Trung, tiếng Nhật, tiếng Nga;

- **Mục tiêu cụ thể:**

A. Chuyên ngành Quản trị kinh doanh quốc tế:

Sinh viên sau khi tốt nghiệp chuyên ngành Quản trị Kinh doanh quốc tế sẽ có khả năng giải quyết những vấn đề của doanh nghiệp khi tham gia vào hoạt động kinh doanh nói chung và kinh doanh quốc tế nói riêng. Cụ thể, cử nhân chuyên ngành QTKDQT sẽ có khả năng lập kế hoạch, tổ chức thực hiện kế hoạch, điều hành, đánh giá, kiểm tra, kiểm soát tất cả các hoạt động chức năng của một doanh nghiệp: chiến lược, tài chính, nhân sự, kế toán, quản trị tác nghiệp, marketing, v.v. đặc biệt là trong môi trường kinh doanh quốc tế.

Sinh viên tốt nghiệp chuyên ngành Quản trị Kinh doanh quốc tế được trang bị các kiến thức và kỹ năng để làm việc tại mọi loại hình doanh nghiệp, tổ chức trong nước và quốc tế, ví dụ: các công ty xuất nhập khẩu, các công ty đa quốc gia, các công ty kế toán, kiểm toán, các ngân hàng, các tổ chức tài chính, các hiệp hội ngành nghề cũng như các cơ quan, các viện nghiên cứu về kinh doanh quốc tế.

Yêu cầu kiến thức

- Kiến thức chung:

+ Nắm được những vấn đề cơ bản về kinh doanh và quản trị kinh doanh trong môi trường kinh doanh quốc tế.

+ Hiểu rõ các mối quan hệ tương tác giữa các bộ phận của doanh nghiệp, giữa doanh nghiệp với môi trường kinh doanh.

- Kiến thức chuyên môn sâu:

+ Nắm vững những kiến thức cơ bản làm nền tảng cho công việc kinh doanh và quản trị kinh doanh theo các chức năng cụ thể như quản trị nhân lực, quản trị tài chính, quản trị chiến lược, quản trị tác nghiệp, kế toán, quản trị marketing,...

+ Nắm vững những kiến thức chuyên sâu trong việc thực hiện hoạch định chiến lược kinh doanh, chiến lược tài chính, xây dựng hệ thống lương thưởng, đãi ngộ, quản trị hoạt động sản xuất, quản trị chất lượng, hạch toán kế toán, xây dựng và tổ chức kênh phân phối, xây dựng văn hóa doanh nghiệp, xây dựng và phát triển thương hiệu, v.v.

- *Chuẩn ngoại ngữ:* sử dụng thông thạo một trong các ngoại ngữ tiếng Anh, tiếng Pháp, tiếng Trung, tiếng Nhật, tiếng Nga

- *Trình độ tin học:* Sử dụng thành thạo các chương trình tin học văn phòng, có khả năng sử dụng các phần mềm quản lý.

Yêu cầu về kỹ năng

+ Có kỹ năng tự học, tự nghiên cứu;

+ Có kỹ năng học tập hiệu quả, kỹ năng đọc, tìm kiếm và quản lý thông tin khoa học;

+ Có kỹ năng và phương pháp sử dụng thời gian hiệu quả và khoa học;

+ Có khả năng làm việc độc lập và làm việc nhóm;

+ Có kỹ năng phối hợp trong công việc cũng như khả năng tạo lập những mối quan hệ xã hội cần thiết, khả năng xử lý hài hòa các mối quan hệ trong công sở cũng như ngoài xã hội;

+ Có kỹ năng giao tiếp, thuyết trình, kỹ năng đàm phán, thuyết phục;

+ Có phương pháp tư duy chủ động, tích cực, tự tin và khoa học, biết lạc quan, có niềm tin, biết quý trọng công việc cũng như cuộc sống;

+ Có kỹ năng quản trị rủi ro, giải quyết xung đột, đặc biệt trong môi trường kinh doanh đa văn hóa;

+ Có khả năng nhận biết và xử lý các tình huống thực tế của doanh nghiệp;

Yêu cầu về thái độ - hành vi

- Có tác phong làm việc chuyên nghiệp;
- Có ý thức tự giác, tinh thần trách nhiệm, cầu tiến;
- Có thái độ đúng mực với đồng nghiệp, đối tác;

Vị trí làm việc của người học sau khi tốt nghiệp

- Các vị trí là nhân viên và cán bộ quản lý (Phòng Kế hoạch, Phòng Tổ chức nhân sự, Phòng Quản lý sản xuất, Phòng Tài chính, Phòng Kế toán, Phòng Quản lý chất lượng, Phòng Marketing, v.v.) tại các doanh nghiệp, dự án và tổ chức.

- Khởi sự doanh nghiệp mới, và trở thành người lãnh đạo doanh nghiệp.
- Các chuyên gia tư vấn về quản lý doanh nghiệp.

B. Chuyên ngành Kế toán - Kiểm toán:

Đào tạo sinh viên có trình độ cử nhân ngành Quản trị kinh doanh có tư duy sáng tạo, năng lực thực hành nghiệp vụ chuyên môn giỏi, nắm vững các nghiệp vụ kinh doanh quốc tế, có khả năng tổ chức hệ thống thông tin kế toán, lập và phân tích các báo cáo tài chính, sử dụng thông tin kế toán - tài chính trong việc đưa ra các quyết định trong quản lý, tham gia tư vấn, cung cấp các dịch vụ kế toán, kiểm toán, sử dụng ít nhất một ngoại ngữ, có sức khỏe tốt, có đạo đức nghề nghiệp và có tác phong làm việc khoa học.

Sinh viên tốt nghiệp có thể làm việc cho các doanh nghiệp sản xuất, doanh nghiệp thương mại, các công ty xuất – nhập khẩu, các công ty kế toán, kiểm toán, các tập đoàn đa quốc gia, các dự án đầu tư nước ngoài, các trung gian tài chính, các cơ quan nghiên cứu về kinh tế, kế toán, tài chính quốc tế của Việt Nam.

Yêu cầu kiến thức

- Kiến thức chung:

+ Nắm được tất cả các chu trình hoạt động chức năng trong một doanh nghiệp và mối quan hệ với tài chính – kế toán doanh nghiệp.

+ Nắm được các nguyên tắc kế toán cơ bản của Việt Nam và quốc tế; Hiểu và vận dụng thành thạo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp;

+ Nắm được nguyên tắc kế toán và cách hạch toán kế toán tất cả các phần hành kế toán (tài sản cố định, hàng tồn kho, doanh thu, các khoản vay, các khoản đầu tư tài chính...);

- Kiến thức chuyên môn sâu:

+ Hiểu được tác động của các giao dịch kinh doanh đến các báo cáo tài chính của doanh nghiệp;

+ Nắm được mối quan hệ hữu cơ giữa phương pháp kế toán, chính sách kế toán và các báo cáo tài chính của một doanh nghiệp;

+ Hiểu được nội dung của giá thành sản phẩm và các cách tính giá thành sản phẩm. Nắm được các biện pháp, phương pháp quản lý, kiểm soát chi phí trong doanh nghiệp;

+ Biết được cách tính toán một số chỉ tiêu tài chính cơ bản từ các báo cáo tài chính, đọc và phân tích tình hình tài chính của doanh nghiệp;

+ Nắm được các phương pháp kỹ thuật kiểm toán, áp dụng các kỹ thuật kiểm toán trong kiểm toán các phần hành cụ thể trong báo cáo tài chính.

- *Chuẩn ngoại ngữ*: sử dụng thông thạo một trong các ngoại ngữ tiếng Anh, tiếng Pháp, tiếng Trung, tiếng Nhật, tiếng Nga.

- *Trình độ tin học*: Sử dụng thành thạo các chương trình tin học văn phòng, có khả năng sử dụng các phần mềm kế toán và quản lý.

Yêu cầu về kỹ năng

- Kỹ năng cứng:

+ Kỹ năng mở sổ, ghi sổ, khóa sổ kế toán trong doanh nghiệp;

+ Kỹ năng thực hành trên phần mềm kế toán doanh nghiệp;

+ Kỹ năng tổ chức hạch toán kế toán tài chính và quản trị trong doanh nghiệp;

+ Kỹ năng lập, đọc bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ, thuyết minh các báo cáo tài chính của doanh nghiệp;

+ Kỹ năng lập các báo cáo kế toán như báo cáo công nợ, báo cáo vật tư, báo cáo tài sản cố định, báo cáo chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm của doanh nghiệp sản xuất/kinh doanh thương mại;

+ Kỹ năng lập dự toán ngân sách và kiểm soát chi phí;

+ Kỹ năng lập các báo cáo thuế và kê khai thuế;

+ Kỹ năng ra các quyết định trong kinh doanh như các quyết định số lượng sản phẩm sản xuất, giá bán bán hàng, tuyển dụng,... dựa trên thông tin kế toán;

+ Kỹ năng thực hành kiểm toán báo cáo tài chính doanh nghiệp;

- Kỹ năng mềm:

+ Có kỹ năng tự học, tự nghiên cứu;

+ Có kỹ năng học tập hiệu quả, kỹ năng đọc, tìm kiếm và quản lý thông tin khoa học;

+ Có kỹ năng và phương pháp sử dụng thời gian hiệu quả và khoa học;

+ Có khả năng làm việc độc lập và làm việc nhóm;

- + Có kỹ năng phối hợp trong công việc cũng như khả năng tạo lập những mối quan hệ xã hội cần thiết, khả năng xử lý hài hòa các mối quan hệ trong công sở cũng như ngoài xã hội;
- + Có kỹ năng giao tiếp, thuyết trình, kỹ năng đàm phán, thuyết phục;
- + Có phương pháp tư duy chủ động, tích cực, tự tin và khoa học, biết lạc quan, có niềm tin, biết quý trọng công việc cũng như cuộc sống;

Yêu cầu về thái độ - hành vi

- + Có khả năng nhận biết và xử lý các tình huống thực tế;
- + Độc lập và tự chủ trong công việc;
- + Tác phong làm việc chuyên nghiệp và có tinh thần trách nhiệm;
- + Nắm vững chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp kiểm toán.

Vị trí làm việc của người học sau khi tốt nghiệp

- Kế toán ngân hàng, kế toán thanh toán, kế toán tài sản cố định, kế toán hàng tồn kho, kế toán bán hàng, kế toán giá thành, kế toán vốn chủ sở hữu ...;
- Kế toán trưởng;
- Kế toán tổng hợp;
- Chuyên gia phân tích báo cáo tài chính doanh nghiệp, cung cấp dịch vụ kế toán, kiểm toán;
- Kiểm toán viên;
- Cán bộ bộ phận lập/quản lý ngân sách;
- Kế toán xuất, nhập khẩu;
- Kế toán thuế;
- Cán bộ quản lý tài chính;
- Kế toán thanh toán quốc tế;

C. Chuyên ngành Quản trị du lịch – khách sạn:

Sinh viên sau khi tốt nghiệp chuyên ngành Quản trị Du lịch và Khách sạn có khả năng giải quyết những vấn đề của doanh nghiệp khi tham gia vào hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực du lịch và khách sạn. Cụ thể, cử nhân chuyên ngành QTDL&KS sẽ có khả năng lập kế hoạch, tổ chức thực hiện kế hoạch, điều hành, đánh giá, kiểm tra, kiểm soát tất cả các hoạt động chức năng của một doanh nghiệp thuộc lĩnh vực du lịch và khách sạn: chiến lược, tài chính, nhân sự, kế toán, quản trị tác nghiệp, marketing, v.v. trong kinh doanh lữ hành, du lịch và khách sạn.

Sinh viên tốt nghiệp chuyên ngành Quản trị Du lịch và Khách sạn được trang bị các kiến thức và kỹ năng để làm việc tại các doanh nghiệp trong nước, các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài trong lĩnh vực du lịch và khách sạn.

Yêu cầu kiến thức

- Kiến thức chung:

+ Nắm được những vấn đề cơ bản về quản trị kinh doanh du lịch và khách sạn, đặc biệt là trong môi trường kinh doanh quốc tế;

+ Hiểu rõ các mối quan hệ tương tác giữa các bộ phận của doanh nghiệp, giữa doanh nghiệp với môi trường kinh doanh của ngành du lịch và khách sạn.

- Kiến thức chuyên môn sâu:

+ Nắm vững những kiến thức cơ bản làm nền tảng cho công việc kinh doanh và quản trị kinh doanh trong lĩnh vực du lịch và khách sạn theo các lĩnh vực chức năng cụ thể như quản trị nhân lực, quản trị tài chính, kế toán, marketing du lịch, quản trị hàng lễ hành...;

+ Nắm vững những kiến thức chuyên sâu trong việc thực hiện hoạch định chiến lược kinh doanh, chiến lược tài chính, xây dựng hệ thống lương thưởng, đãi ngộ, quản trị hoạt động sản xuất, quản trị chất lượng, hạch toán kế toán, xây dựng và tổ chức kênh phân phối, xây dựng văn hóa doanh nghiệp, xây dựng và phát triển thương hiệu, v.v. trong lĩnh vực du lịch và khách sạn.

- *Chuẩn ngoại ngữ:* sử dụng thông thạo một trong các ngoại ngữ tiếng Anh, tiếng Pháp, tiếng Trung, tiếng Nhật, tiếng Nga;

- *Trình độ tin học:* Sử dụng thành thạo các chương trình tin học văn phòng, có khả năng sử dụng các phần mềm quản lý.

Yêu cầu về kỹ năng

+ Có kỹ năng tự học, tự nghiên cứu;

+ Có kỹ năng học tập hiệu quả, kỹ năng đọc, tìm kiếm và quản lý thông tin khoa học;

+ Có kỹ năng và phương pháp sử dụng thời gian hiệu quả và khoa học;

+ Có khả năng làm việc độc lập và làm việc nhóm;

+ Có kỹ năng phối hợp trong công việc cũng như khả năng tạo lập những mối quan hệ xã hội cần thiết, khả năng xử lý hài hòa các mối quan hệ trong công sở cũng như ngoài xã hội;

+ Có kỹ năng giao tiếp, thuyết trình, kỹ năng đàm phán, thuyết phục;

+ Có phương pháp tư duy chủ động, tích cực, tự tin và khoa học, biết lạc quan, có niềm tin, biết quý trọng công việc cũng như cuộc sống;

+ Có kỹ năng quản trị rủi ro, giải quyết xung đột, đặc biệt trong lĩnh vực du lịch và khách sạn;

+ Có khả năng nhận biết và xử lý các tình huống thực tế của doanh nghiệp, đặc biệt trong ngành du lịch và khách sạn.

Yêu cầu về thái độ - hành vi

- Có tác phong làm việc chuyên nghiệp;
- Có ý thức tự giác, tinh thần trách nhiệm, cầu tiến;
- Có thái độ đúng mực với đồng nghiệp, đối tác.

Vị trí làm việc của người học sau khi tốt nghiệp

- Các vị trí là nhân viên và cán bộ quản lý (Phòng Kế hoạch, Phòng Tổ chức nhân sự, Phòng Quản lý sản xuất, Phòng Tài chính, Phòng Kế toán, Phòng Quản lý chất lượng, Phòng Marketing, v.v.) tại các doanh nghiệp nói chung, và ngành du lịch và khách sạn nói riêng;

- Khởi sự doanh nghiệp mới (đặc biệt là trong lĩnh vực du lịch và khách sạn), và trở thành người lãnh đạo doanh nghiệp;

- Các chuyên gia tư vấn về quản lý doanh nghiệp trong lĩnh vực du lịch và khách sạn.

D. Chuyên ngành Thương mại điện tử:

Sinh viên sau khi tốt nghiệp chuyên ngành Thương mại điện tử có khả năng giải quyết những vấn đề của doanh nghiệp khi tham gia vào hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực thương mại điện tử. Cụ thể, cử nhân chuyên ngành TMĐT sẽ có khả năng lập kế hoạch, tổ chức thực hiện kế hoạch, điều hành, đánh giá, kiểm tra, kiểm soát tất cả các hoạt động chức năng của một doanh nghiệp trong môi trường mạng.

Sinh viên tốt nghiệp chuyên ngành Thương mại điện tử được trang bị các kiến thức và kỹ năng về công nghệ thông tin ứng dụng và khả năng hoạch định chính sách đầu tư công nghệ thông tin vào các loại hình doanh nghiệp và tổ chức.

Yêu cầu kiến thức

- *Kiến thức chung:*

+ Sinh viên chuyên ngành Thương mại điện tử sau khi tốt nghiệp sẽ nắm vững những kiến thức cơ bản và chuyên sâu về cả hai lĩnh vực kinh doanh và ứng dụng công nghệ thông tin trong kinh doanh.

- *Kiến thức chuyên môn sâu:*

- + Tổ chức và quản lý hoạt động thương mại điện tử trong doanh nghiệp;
- + Hoạch định chiến lược đầu tư về Công nghệ thông tin (CNTT) trong doanh nghiệp;
- + Xây dựng hệ thống thông tin cho các tổ chức;

+ Xây dựng các phần mềm ứng dụng trong thương mại điện tử;

+ Quản trị hệ thống thông tin, khai thác hiệu quả nguồn lực và ứng dụng các thành tựu công nghệ thông tin vào mọi hoạt động của doanh nghiệp, kinh doanh sản phẩm phần mềm, phần cứng thuộc lĩnh vực công nghệ thông tin và truyền thông;

+ Năng lực quản trị mạng tương đương với chuẩn CCNA (Cisco), MCSA (Microsoft) ACNA (Aptech) (hoặc tương đương).

- *Chuẩn ngoại ngữ*: sử dụng thông thạo một trong các ngoại ngữ tiếng Anh, tiếng Pháp, tiếng Trung, tiếng Nhật, tiếng Nga;

- *Trình độ tin học*: Sử dụng thành thạo các chương trình tin học văn phòng, có khả năng sử dụng các phần mềm quản lý, Năng lực lập trình tương đương MCPD (Microsoft), ACCP (Aptech).

Yêu cầu về kỹ năng

+ Có kỹ năng tự học, tự nghiên cứu;

+ Có kỹ năng học tập hiệu quả, kỹ năng đọc, tìm kiếm và quản lý thông tin khoa học;

+ Có kỹ năng và phương pháp sử dụng thời gian hiệu quả và khoa học;

+ Có khả năng làm việc độc lập và làm việc nhóm;

+ Có kỹ năng phối hợp trong công việc cũng như khả năng tạo lập những mối quan hệ xã hội cần thiết, khả năng xử lý hài hòa các mối quan hệ trong công sở cũng như ngoài xã hội;

+ Có kỹ năng giao tiếp, thuyết trình, kỹ năng đàm phán, thuyết phục;

+ Có phương pháp tư duy chủ động, tích cực, tự tin và khoa học, biết lạc quan, có niềm tin, biết quý trọng công việc cũng như cuộc sống;

+ Có kỹ năng quản trị rủi ro, giải quyết xung đột, đặc biệt trong lĩnh vực thương mại điện tử;

+ Có khả năng nhận biết và xử lý các tình huống thực tế của doanh nghiệp, đặc biệt trong lĩnh vực thương mại điện tử.

Yêu cầu về thái độ - hành vi

- Có tác phong làm việc chuyên nghiệp;

- Có ý thức tự giác, tinh thần trách nhiệm, cầu tiến;

- Có thái độ đúng mực với đồng nghiệp, đối tác;

Vị trí làm việc của người học sau khi tốt nghiệp

- Các vị trí là nhân viên và cán bộ quản lý trong mọi doanh nghiệp đặc biệt là doanh nghiệp ngoại thương, doanh nghiệp thương mại điện tử, doanh nghiệp phần mềm, phần cứng trong lĩnh vực công nghệ thông tin;

- Khởi sự doanh nghiệp kinh doanh và ứng dụng CNTT, thương mại điện tử, trở thành người lãnh đạo doanh nghiệp;

- Các chuyên gia tư vấn, tham gia hoạch định chính sách và tư vấn công nghệ trong các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, các ngân hàng, các cơ quan quản lý,...;

2. Thời gian đào tạo: 4 năm

3. Khối lượng kiến thức toàn khóa: 136 tín chỉ

4. Đối tượng tuyển sinh: Học sinh tốt nghiệp phổ thông trung học đã thi đỗ vào trường Đại học Ngoại Thương và đạt điểm chuẩn trở lên tùy theo chương trình đào tạo.

5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp: Sinh viên được đào tạo theo loại hình chính quy áp dụng Quy định đào tạo do nhà trường xây dựng, dựa trên Quy chế số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15/8/2007 của Bộ Giáo Dục và Đào tạo.

Chương trình đào tạo thực hiện trong 4 năm gồm 8 học kỳ trong đó có 7 học kỳ tích lũy kiến thức tại trường và 1 kỳ hoàn thành khóa luận hoặc thực tập tại cơ sở thực tế. Kết thúc khóa học, sinh viên được công nhận tốt nghiệp khi hội đủ các tiêu chuẩn theo Quy chế 43/2007/QĐ - BGDĐT ngày 15/08/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo Dục và Đào tạo và Quy định đào tạo hệ đại học chính quy theo quy định của trường.

6. Thang điểm: Sinh viên được đánh giá theo thang điểm 10, quy đổi A, B, C, D, F theo quy định đào tạo do nhà trường xây dựng, dựa trên Quy chế số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15/8/2007 của Bộ Giáo Dục và Đào tạo.

7. Nội dung chương trình đào tạo:

TT	Tên môn học	Mã môn học	Số TC	Phân bổ thời gian			Môn học Tiên quyết
				Số tiết trên lớp		Tự nghiên cứu (có hướng dẫn)	
				LT	BT/T L/TH		
7.1	Khối kiến thức giáo dục đại cương		43				
7.1.1	Lý luận chính trị		10				
1.	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác Lê Nin I	TRI102	2	20	10	20	Không
2.	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác Lê Nin II	TRI103	3	30	15	30	Không

TT	Tên môn học	Mã môn học	Số TC	Phân bổ thời gian			Môn học Tiên quyết
				Số tiết trên lớp		Tự nghiên cứu (có hướng dẫn)	
				LT	BT/T L/TH		
3.	Tư tưởng Hồ Chí Minh	TRI104	2	20	10	20	TRI102 TRI103
4.	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	TRI106	3	30	15	30	TRI102 TRI103
7.1.2	Khoa học xã hội, nhân văn, Nghệ thuật, Toán-Tin học		18				
	Bắt buộc		15				
5.	Toán cao cấp	TOA105	3	15	60	0	Không
6.	Pháp luật đại cương	PLU111	3				Không
7.	Tin học đại cương	TIN202	3	30	15	30	TOA105
8.	Phát triển kỹ năng	PPH101	3	30	15	30	Không
9.	Logic học và phương pháp học tập, nghiên cứu khoa học	TRI201	3	30	15	30	Không
10.	Tự chọn		3				
11.	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	TOA201	3	30	15	30	TOA105
12.	Kinh tế lượng	KTE309	3	30	15	30	TOA105
7.1.3	Ngoại ngữ (Sinh viên đạt chuẩn một ngoại ngữ cho từng năm có thể lựa chọn miễn ngoại ngữ hoặc tích lũy tín chỉ bằng ngoại ngữ thứ hai): 15						
13.	Ngoại ngữ 1 (TAN, TPH, TNH,TTR,TNG)	---131	3	0	90	0	Không
14.	Ngoại ngữ 2 (TAN, TPH, TNH,TTR,TNG)	---132	3	0	90	0	---131
15.	Ngoại ngữ 3 (TAN, TPH, TNH,TTR,TNG)	---231	3	0	90	0	---132
16.	Ngoại ngữ 4 (TAN, TPH, TNH,TTR,TNG)	---232	3	0	90	0	---231
17.	Ngoại ngữ 5 (TAN, TPH, TNH,TTR,TNG)	---331	3	0	90	0	---232
7.1.4	Giáo dục thể chất						
18.	Giáo dục thể chất				150		
7.1.5	Giáo dục quốc phòng, an ninh				165		

TT	Tên môn học	Mã môn học	Số TC	Phân bổ thời gian			Môn học Tiên quyết
				Số tiết trên lớp		Tự nghiên cứu (có hướng dẫn)	
				LT	BT/T L/TH		
	Giáo dục quốc phòng, an ninh						
7.2	Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp		93				
7.2.1	Kiến thức cơ sở		18				
7.2.1.1	<i>Kiến thức cơ sở khối ngành</i>		6				
1.	Kinh tế vi mô	KTE201	3	30	15	30	TOA105
2.	Kinh tế vĩ mô	KTE203	3	30	15	30	KTE201
7.2.1.2	<i>Khối kiến thức cơ sở nhóm ngành</i>		12				
1.	Quản trị học	QTR303	3	30	15	30	KTE201
2.	Nguyên lý thống kê và thống kê doanh nghiệp	TOA302	3	30	15	30	
3.	Nguyên lý kế toán	KET201	3	30	15	30	
4.	Marketing căn bản	MKT301	3	30	15	30	
7.2.2	Kiến thức ngành chính						
7.2.2.1	<i>Kiến thức chung ngành QTKD</i>		24				
1.	Quản trị nhân lực	QTR403	3	30	15	30	QTR303
2.	Quản trị tác nghiệp	QTR410	3	30	15	30	
3.	Quản trị tài chính	KET307	3	30	15	30	KET201
4.	Quản trị chiến lược	QTR312	3	30	15	30	QTR410 QTR403 KET307
5.	Kế toán tài chính	KET301	3	30	15	30	KET201
6.	Kế toán quản trị	KET310	3	30	15	30	KET301

TT	Tên môn học	Mã môn học	Số TC	Phân bổ thời gian			Môn học Tiên quyết
				Số tiết trên lớp		Tự nghiên cứu (có hướng dẫn)	
				LT	BT/T L/TH		
7.	Ngoại ngữ 6 (TAN, TPH, TNH,TTR,TNG)	---332	3	0	90	0	---331
8.	Ngoại ngữ 7 (TAN, TPH, TNH,TTR,TNG)	-431	3	0	90	0	---332
7.2.2.2	Kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành Quản trị kinh doanh quốc tế		39				
	Bắt buộc		30				
1.	Quản trị dự án	QTR407	3	30	15	30	KET307
2.	Quản trị marketing quốc tế	QTR405	3	30	15	30	MKT301
3.	Quản trị và kinh doanh quốc tế	QTR401	3	30	15	30	QTR312
4.	Khởi sự kinh doanh và quản trị doanh nghiệp nhỏ và vừa	QTR412	3	30	15	30	QTR303
5.	Quản trị chất lượng	QTR404	3	30	15	30	QTR303
6.	Quản trị đổi mới	QTR424	3	30	15	30	QTR303
7.	Văn hóa doanh nghiệp	KDO403	3	30	15	30	QTR303
8.	Pháp luật kinh doanh quốc tế	PLU410	3	30	15	30	PLU111
9.	Giao dịch thương mại quốc tế	TMA302	3	30	15	30	KTE201 KTE203
10.	Thương mại điện tử	TMA306	3	30	15	30	TMA302
	Tự chọn (chọn 3 môn)		9				
1.	Kỹ năng lãnh đạo	QTR203	3	30	15	30	Không
2.	Giao tiếp trong kinh doanh	KDO401	3	30	15	30	Không
3.	Pháp luật doanh nghiệp	PLU401	3	30	15	30	PLU111
4.	Lý thuyết kiểm toán	KET313	3	30	15	30	KET201

TT	Tên môn học	Mã môn học	Số TC	Phân bổ thời gian			Môn học Tiên quyết
				Số tiết trên lớp		Tự nghiên cứu (có hướng dẫn)	
				LT	BT/T L/TH		
5.	Chính sách thương mại quốc tế	TMA301	3	30	15	30	KTE203
6.	Vận tải và bảo hiểm trong ngoại thương	TMA304	3	30	15	30	TMA302
7.	Phương pháp và thực hành nghiên cứu khoa học	PPH102	3	30	15	30	Không
8.	Thanh toán quốc tế	TCH412	3	30	15	30	TMA304
7.2.2.3	<i>Kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành Kế toán – kiểm toán</i>		39				
	<i>Bắt buộc</i>		30				
1.	Kế toán tài chính nâng cao	KET304	3	30	15	30	KET301
2.	Kế toán quản trị nâng cao	KET314	3	30	15	30	KET310
3.	Kế toán xuất, nhập khẩu	KET406	3	30	15	30	KET304TMA302
4.	Kế toán quốc tế	KET410	3	30	15	30	KET406 KET303
5.	Kế toán thuế	KET403	3	30	15	30	KET304
6.	Lý thuyết kiểm toán	KET313	3	30	15	30	KET301
7.	Kiểm toán tài chính	KET401	3	30	15	30	KET313
8.	Pháp luật kinh doanh quốc tế	PLU410	3	30	15	30	PLU111
9.	Giao dịch thương mại quốc tế	TMA302	3	30	15	30	
10.	Thanh toán quốc tế	TCH412	3	30	15	30	TMA302

TT	Tên môn học	Mã môn học	Số TC	Phân bổ thời gian			Môn học Tiên quyết
				Số tiết trên lớp		Tự nghiên cứu (có hướng dẫn)	
				LT	BT/T L/TH		
	<i>Tự chọn (chọn 3 môn)</i>		9				
1.	Kế toán máy	KET305	3	30	15	30	KET304 KET314
2.	Kế toán công	KET411	3	30	15	30	KET201 KET301
3.	Kế toán hợp nhất báo cáo tài chính	KET412	3	30	15	30	KET201 KET301 KET304
4.	Kiểm toán nội bộ	KET402	3	30	15	30	KET313
5.	Kiểm soát quản lý	QTR411	3	30	15	30	KET314
6.	Hệ thống thông tin quản lý	QTR201	3	30	15	30	KTE201 TIN202
7.	Thương mại điện tử	TMA306	3	30	15	30	TMA302
8.	Pháp luật doanh nghiệp	PLU401	3	30	15	30	PLU111
9.	Phương pháp và thực hành nghiên cứu khoa học	PPH102	3	30	15	30	Không
7.2.2.4	<i>Kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành Quản trị du lịch khách sạn</i>						
	<i>Bắt buộc</i>		30				
1.	Nhập môn quản trị kinh doanh du lịch	QTR321	3	30	15	30	Không
2.	Kinh tế du lịch	KTE321	3	30	15	30	KTE201

TT	Tên môn học	Mã môn học	Số TC	Phân bổ thời gian			Môn học Tiên quyết
				Số tiết trên lớp		Tự nghiên cứu (có hướng dẫn)	
				LT	BT/T L/TH		
							KTE203
3.	Marketing du lịch	MKT321	3	30	15	30	MKT302 QTR321
4.	Quản trị kinh doanh khách sạn	QTR324	3	30	15	30	QTR303
5.	Quản trị chất lượng dịch vụ Du lịch và Khách sạn	QTR421	3	30	15	30	QTR303 QTR410
6.	Quản trị hãng lữ hành	QTR422	3	30	15	30	QTR321
7.	Quản trị du lịch sự kiện và hội nghị	QTR423	3	30	15	30	QTR321
8.	Pháp luật trong quản trị Du lịch và Khách sạn	PLU421	3	30	15	30	PLU111
9.	Văn hóa doanh nghiệp	KDO403	3	30	15	30	QTR303
10.	Thương mại điện tử	TMA306	3	30	15	30	TMA302
	Tự chọn (chọn 3 môn)		9				
1.	Thống kê du lịch	TOA304	3	30	15	30	TOA301 KTE321
2.	Vận hành hệ thống cung ứng trong hoạt động du lịch khách sạn	QTR425	3	30	15	30	KTE201 KTE203 QTR321
3.	Quản trị du lịch sinh thái và văn hóa	QTR322	3	30	15	30	QTR321
4.	Kế toán Du lịch và Khách sạn	KET421	3	30	15	30	KET201
5.	Quản trị dự án	QTR4	3	30	15	30	KET

TT	Tên môn học	Mã môn học	Số TC	Phân bổ thời gian			Môn học Tiên quyết
				Số tiết trên lớp		Tự nghiên cứu (có hướng dẫn)	
				LT	BT/T L/TH		
		07					307
6.	Khởi sự kinh doanh và quản trị doanh nghiệp nhỏ và vừa	QTR412	3	30	15	30	QTR303
7.	Kỹ năng lãnh đạo	QTR203	3	30	15	30	Không
8.	Pháp luật doanh nghiệp	PLU401	3	30	15	30	PLU111
9.	Quản trị đổi mới	QTR424	3	30	15	30	QTR303
10.	Lý thuyết kiểm toán	KET313	3	30	15	30	KET201
11.	Phương pháp và thực hành nghiên cứu khoa học	PPH102	3	30	15	30	Không
7.2.2.5	<i>Kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành Thương mại điện tử</i>		39				
	Bắt buộc		30				
1.	Marketing trong TMĐT	MKT406	3	30	15	30	
2.	Thương mại điện tử căn bản	TMA307	3	30	15	30	
3.	Cơ sở dữ liệu căn bản	TMĐ304	3	30	15	30	TIN202
4.	Quản trị mạng và HTTT	TMĐ408	3	30	15	30	TMA307
5.	Xây dựng các website TMĐT	TIN322	3	30	15	30	TMA307 QTR303
6.	Ứng dụng CNTT trong quản lý	QTR418	3	30	15	30	TMA307 QTR303
7.	Chiến lược kinh doanh điện tử	KDO407	3	30	15	30	TMA307
8.	Quản trị dự án CNTT	TMĐ4	3	30	15	30	TMA30

TT	Tên môn học	Mã môn học	Số TC	Phân bổ thời gian			Môn học Tiên quyết
				Số tiết trên lớp		Tự nghiên cứu (có hướng dẫn)	
				LT	BT/T L/TH		
		03					7 QTR303
9.	Quản trị thương mại điện tử	TMĐ414	3	30	15	30	TMA307
10.	Phân tích và thiết kế hệ thống thương mại điện tử	TMĐ415	3	30	15	30	TMA307 TIN202
	Tự chọn (chọn 3 môn)		9				
1.	Luật điều chỉnh thương mại điện tử	PLU430	3	30	15	30	TMA307 PLU111
2.	An ninh và bảo mật trong thương mại điện tử	TMĐ411	3	30	15	30	TMA307 QTR303
3.	Phân tích cơ sở dữ liệu trong thương mại điện tử	TMĐ412	3	30	15	30	TMA307 QTR303
4.	Tài chính ngân hàng điện tử	TCH428	3	30	15	30	TMA307 QTR303
5.	Xây dựng website TMĐT nâng cao	TIN323	3	30	15	30	TIN322
6.	Lập trình và quản trị cơ sở dữ liệu nâng cao	TMĐ405	3	30	15	30	TMĐ304
7.	Quản trị hệ thống thông tin nâng cao	TMĐ416	3	30	15	30	TMA307
8.	Quản trị đổi mới	QTR424	3	30	15	30	QTR303
9.	Pháp luật thương mại quốc tế	PLU422	3	30	15	30	PLU111
10.	Phương pháp và thực hành nghiên cứu khoa học	PPH102	3	30	15	30	Không

TT	Tên môn học	Mã môn học	Số TC	Phân bổ thời gian			Môn học Tiên quyết
				Số tiết trên lớp		Tự nghiên cứu (có hướng dẫn)	
				LT	BT/T L/TH		
7.2.3	Thực tập giữa khóa	QTR501	3				
7.2.4	Học phần tốt nghiệp(Chọn 1 trong 2 tự chọn)		9				
1.	Tự chọn có điều kiện		9				
	Khóa luận tốt nghiệp	QTR521	9			540	
2.	Tự chọn		9				
	Học phần tốt nghiệp, chọn 1 trong 2 học phần: + Phương pháp thực hành và nghiên cứu khoa học + Một trong số các môn tự chọn của chuyên ngành		3	30	15	30	
	Thu hoạch thực tập tốt nghiệp	QTR511	6			360	
	Tổng cộng		136				

8. Kế hoạch giảng dạy

Số TT	Tên môn học	Mã môn học	Số TC	Môn học tiên quyết	Học kỳ triển khai	1	2	3	4	5	6	7	8
1	Khối kiến thức giáo dục đại cương		40										
1.1	<i>Lý luận chính trị</i>												
1	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác Lê Nin I	TRI102	2	Không	1,2	■	■						
2	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác Lê Nin II	TRI103	3	Không	1,2	■	■						
3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	TRI104	2	TRI102 TRI103	2,3		■	■					
4	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	TRI106	3	TRI102 TRI103	2,3		■	■					
1.2	<i>Khoa học xã hội, nhân văn, Nghệ thuật, Toán-Tin học</i>												
	<i>Bắt buộc</i>												
5	Toán cao cấp	TOA103	3	Không	1,2	■	■						
6	Pháp luật đại cương	PLU111	3	Không	1,2	■	■						
7	Tin học đại cương	TIN202	3	TOA105	2,3		■	■					
8	Phát triển kỹ năng	PPH101	3	Không	1,2	■	■						
9	Logic học và phương pháp	TRI201	3	Không	1,2	■	■						

Số TT	Tên môn học	Mã môn học	Số TC	Môn học tiên quyết	Học kỳ triển khai	1	2	3	4	5	6	7	8
	học tập, nghiên cứu khoa học												
	Tự chọn												
10	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	TOA201	3	TOA105	2,3		■	■					
11	Kinh tế lượng	KTE309	3	TOA105	3,4			■	■				
1.3	Ngoại ngữ (Sinh viên đạt chuẩn một ngoại ngữ cho từng năm có thể lựa chọn miễn ngoại ngữ hoặc tích lũy tín chỉ bằng ngoại ngữ thứ hai)												
12	Ngoại ngữ 1 (TAN, TPH, TNH,TTR, TNG)	---131	3	Không	1	■							
13	Ngoại ngữ 2 (TAN, TPH, TNH,TTR, TNG)	---132	3	---131	1,2	■	■						
14	Ngoại ngữ 3 (TAN, TPH, TNH,TTR, TNG)	---231	3	---132	2,3		■	■					
15	Ngoại ngữ 4 (TAN, TPH, TNH,TTR, TNG)	---232	3	---231	3,4			■	■				
16	Ngoại ngữ 5 (TAN, TPH,	---331	3	---331	4,5				■	■			

[illegible]

Số TT	Tên môn học	Mã môn học	Số TC	Môn học tiên quyết	Học kỳ triển khai	1	2	3	4	5	6	7	8
	chung ngành QTKD												
1	Quản trị nhân lực	QTR403	3	QTR303	4,5				■	■			
2	Quản trị tác nghiệp	QTR410	3		4,5				■	■			
3	Quản trị tài chính	KET307	3	KET201	4,5				■	■			
4	Quản trị chiến lược	QTR312	3	QTR410 QTR403 KET307	4,5				■	■			
5	Kế toán tài chính	KET301	3	KET201	4,5				■	■			
6	Kế toán quản trị	KET310	3	KET301	4,5				■	■			
7	Ngoại ngữ 6 (TAN, TPH, TNH, TTR, TNG)	---332	3	---331	5,6					■	■		
8	Ngoại ngữ 7 (TAN, TPH, TNH, TTR, TNG)	-431	3	---332	6,7						■	■	
2.2.2	Kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành Quản trị kinh doanh quốc tế		39										
	Bắt buộc		30										
1	Quản trị dự án	QTR407	3	KET 307	6,7						■	■	
2	Quản trị marketing quốc tế	QTR405	3	MKT301	5,6					■	■		
3	Quản trị và	QTR401	3	QTR 312	6,7						■	■	

Số TT	Tên môn học	Mã môn học	Số TC	Môn học tiên quyết	Học kỳ triển khai	1	2	3	4	5	6	7	8
	kinh doanh quốc tế												
4	Khởi sự kinh doanh và quản trị doanh nghiệp nhỏ và vừa	QTR412	3	QTR303	5,6					▪	▪		
5	Quản trị chất lượng	QTR404	3	QTR303	5,6					▪	▪		
6	Quản trị đổi mới	QTR424	3	QTR303	6,7						▪	▪	
7	Văn hóa doanh nghiệp	KDO403	3	QTR303	6,7						▪	▪	
8	Pháp luật kinh doanh quốc tế	PLU410	3	PLU111	5,6					▪	▪		
9	Giao dịch thương mại quốc tế	TMA302	3	KTE201 KTE203	6,7						▪	▪	
10	Thương mại điện tử	TMA317	3	TMA302	6,7						▪	▪	
	<i>Tự chọn</i>		9										
1	Kỹ năng lãnh đạo	QTR203	3	Không	5,6					▪	▪		
2	Giao tiếp trong kinh doanh	KDO401	3	Không	5,6					▪	▪		
3	Pháp luật doanh nghiệp	PLU401	3	PLU111	5,6					▪	▪		
4	Lý thuyết kiểm toán	KET313	3	KET201	6,7						▪	▪	
5	Chính sách thương mại quốc tế	TMA301	3	KTE203	6,7						▪	▪	
6	Vận tải và bảo hiểm trong ngoại thương	TMA304	3	TMA302	6,7						▪	▪	

Số TT	Tên môn học	Mã môn học	Số TC	Môn học tiên quyết	Học kỳ triển khai	1	2	3	4	5	6	7	8
7	Thanh toán quốc tế	TCH412	3	TMA304	6,7						■	■	
8	Phương pháp và thực hành nghiên cứu khoa học	PPH102	3	Không	6,7						■	■	
2.2.3	Kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành Kế toán – kiểm toán		39										
	Bắt buộc		30										
1	Kế toán tài chính nâng cao	KET304	3	KET301	5,6					■	■		
2	Kế toán quản trị nâng cao	KET314	3	KET310	5,6					■	■		
3	Kế toán xuất, nhập khẩu	KET406	3	KET304TMA302	6,7						■	■	
4	Kế toán quốc tế	KET410	3	KET406 KET304	6,7						■	■	
5	Kế toán thuế	KET403	3	KET304	6,7						■	■	
6	Lý thuyết kiểm toán	KET313	3	KET301	4,5				■	■			
7	Kiểm toán tài chính	KET401	3	KET313	5,6					■	■		
8	Pháp luật kinh doanh quốc tế	PLU410	3	PLU111	4,5				■	■			
9	Giao dịch thương mại quốc tế	TMA302	3		4,5				■	■			
10	Thanh toán quốc tế	TCH412	3	TMA302	4,5				■	■			
	Tự chọn		9										
1	Kế toán máy	KET305	3	KET304 KET314	5,6					■	■		
2	Kế toán công	KET411	3	KET201 KET301	6,7						■	■	

Số TT	Tên môn học	Mã môn học	Số TC	Môn học tiên quyết	Học kỳ triển khai	1	2	3	4	5	6	7	8
3	Kế toán hợp nhất báo cáo tài chính	KET412	3	KET201 KET301 KET304	6,7						▪	▪	
4	Kiểm toán nội bộ	KET402	3	KET313	6,7						▪	▪	
5	Kiểm soát quản lý	QTR411	3	KET314	6,7						▪	▪	
6	Hệ thống thông tin quản lý	QTR201	3	KTE201 TIN202	5,6					▪	▪		
7	Thương mại điện tử	TMA306	3	TMA302	4,5				▪	▪			
8	Pháp luật doanh nghiệp	PLU410		PLU111	4,5				▪	▪			
9	Phương pháp và thực hành nghiên cứu khoa học	PPH102	3	Không	6,7						▪	▪	
2.2.4	Kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành Quản trị du lịch khách sạn												
	Bắt buộc		30										
1	Nhập môn quản trị kinh doanh du lịch	QTR321	3	Không	5,6					▪	▪		
2	Kinh tế du lịch	KTE321	3	KTE201, KET203	5,6					▪	▪		
3	Marketing du lịch	MKT321	3	MKT302, QTR321	6,7						▪	▪	
4	Quản trị kinh doanh khách sạn	QTR323	3	QTR303	5,6					▪	▪		

Số TT	Tên môn học	Mã môn học	Số TC	Môn học tiên quyết	Học kỳ triển khai	1	2	3	4	5	6	7	8
5	Quản trị chất lượng dịch vụ Du lịch và Khách sạn	QTR421	3	QTR303, QTR410	6,7						▪	▪	
6	Quản trị hãng lữ hành	QTR422	3	QTR321	5,6					▪	▪		
7	Quản trị du lịch sự kiện và hội nghị	QTR423	3	QTR321	5,6					▪	▪		
8	Pháp luật trong quản trị Du lịch và Khách sạn	PLU421	3	PLU111	6,7						▪	▪	
9	Văn hóa doanh nghiệp	KDO403	3	QTR 303	5,6					▪	▪		
10	Thương mại điện tử	TMA306	3	TMA302	6,7						▪	▪	
	Tự chọn		9										
1	Thống kê du lịch	QTR415	3	TOA301 KTE321	5,6					▪	▪		
2	Vận hành hệ thống cung ứng trong hoạt động du lịch khách sạn	QTR425	3	KTE201 KTE203 QTR321	6,7						▪	▪	
3	Quản trị du lịch sinh thái và văn hóa	QTR322	3	QTR321	5,6				▪	▪			
4	Kế toán Du lịch và Khách sạn	KET421	3	KET201	6,7						▪	▪	
5	Quản trị dự án	QTR407	3	KET 307	6,7						▪	▪	
6	Khởi sự kinh doanh và quản trị doanh nghiệp nhỏ và	QTR412	3	QTR303	6,7						▪	▪	

Số TT	Tên môn học	Mã môn học	Số TC	Môn học tiên quyết	Học kỳ triển khai	1	2	3	4	5	6	7	8
	vừa												
7	Kỹ năng lãnh đạo	QTR203	3	Không	5,6					▪	▪		
8	Pháp luật doanh nghiệp	PLU401	3	PLU111	5,6					▪	▪		
9	Quản trị đổi mới	QTR424	3	QTR303	6,7						▪	▪	
10	Lý thuyết kiểm toán	KET313	3	KET201	6,7						▪	▪	
11	Phương pháp và thực hành nghiên cứu khoa học	PPH102	3	Không	6,7						▪	▪	
2.2.5	Kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành Thương mại điện tử		39										
	Bắt buộc		30										
1	Marketing trong TMĐT	MKT406	3		5,6					▪	▪		
2	Thương mại điện tử căn bản	TMA306	3		5,6					▪	▪		
3	Cơ sở dữ liệu căn bản	TMĐ304	3	TIN202	5,6					▪	▪		
4	Quản trị mạng và HTTT	TMĐ408	3	TMA307	5,6					▪	▪		
5	Xây dựng các website TMĐT	TIN322	3	TMA307 QTR303	5,6					▪	▪		
6	Ứng dụng CNTT trong quản lý	QTR418	3	TMA307 QTR303	6,7						▪	▪	
7	Chiến lược kinh doanh	KDO407	3	TMA307	6,7						▪	▪	

Số TT	Tên môn học	Mã môn học	Số TC	Môn học tiên quyết	Học kỳ triển khai	1	2	3	4	5	6	7	8
	điện tử												
8	Quản trị dự án CNTT	TMD403	3	TMA307QTR303	6,7						▪	▪	
9	Quản trị thương mại điện tử	TMD414	3	TMA307	6,7						▪	▪	
10	Phân tích và thiết kế hệ thống thương mại điện tử	TMD415	3	TAM307 TIN202	6,7						▪	▪	
	Tự chọn		9										
1	Luật điều chỉnh thương mại điện tử	PLU430	3	TMA307 PLU111	5,6					▪	▪		
2	An ninh và bảo mật trong thương mại điện tử	TMD411	3	TMA307QTR303	5,6					▪	▪		
3	Phân tích cơ sở dữ liệu trong thương mại điện tử	TMD412	3	TMA307QTR303	5,6					▪	▪		
4	Tài chính ngân hàng điện tử	TCH428	3	TMA307QTR303	5,6					▪	▪		
5	Xây dựng website TMĐT nâng cao	TIN323	3	TIN322	5,6					▪	▪		
6	Lập trình và quản trị cơ sở dữ liệu nâng cao	TMD405	3	TMD304	6,7						▪	▪	
7	Quản trị hệ thống thông tin	TMD416	3	TMA307	6,7						▪	▪	

Số TT	Tên môn học	Mã môn học	Số TC	Môn học tiên quyết	Học kỳ triển khai	1	2	3	4	5	6	7	8
	nâng cao												
8	Quản trị đổi mới	QTR424	3	QTR303	6,7						▪	▪	
9	Pháp luật thương mại quốc tế	PLU422	3	PLU111	6,7						▪	▪	
10	Phương pháp và thực hành nghiên cứu khoa học	PPH102	3	Không	6,7						▪	▪	
2.3	Thực tập giữa khóa	QTR501	3										
2.4	Học phần tốt nghiệp(Chọn 1 trong 2 tự chọn)		9										
1	<i>Tự chọn có điều kiện</i>		9										
	Khóa luận tốt nghiệp	QTR521	9		8								▪
2	<i>Tự chọn</i>		9										
	Học phần tốt nghiệp, chọn 1 trong 2 học phần: + Phương pháp thực hành và nghiên cứu khoa học + Một trong số các môn tự chọn của		3		8								▪

[illegible]